

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 361/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 12 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 165/TTr-STNMT ngày 04/4/2018 và ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 811/HĐTĐGD ngày 28/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất xây dựng các công trình: Kè chống sạt lở sông Đăk Bla, đoạn qua làng Plei Đôn và làng Kon Rờ Bàng; Kho dự trữ Kon Tum 2, xã Vinh Quang; Trụ sở làm việc Chi cục thuế thành phố Kon Tum; Xử lý hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại các giao lộ thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị phía Bắc phường Duy Tân, chi tiết có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND thành phố Kon Tum và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PVP_{NNTN});
- Lưu: VT-NNTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn



PHỤ LỤC
Giá đất cụ thể tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để
tính tiền bồi thường các công trình trên địa bàn thành phố Kon Tum
(Kèm theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí đất, loại đất	Giá đất theo QĐ số 72/2014/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ số 59/2017/QĐ-UBND (lần)	Hệ số điều chỉnh tăng giá đất (lần)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
I	Công trình xử lý hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại các giao lộ thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị phía Bắc phường Duy Tân				
	Đất trong Khu đô thị phía Bắc phường Duy Tân				
-	Đất trồng cây hàng năm khác	25.000	1,36	2,92	73.000
-	Đất trồng cây lâu năm	20.000	1,36	3,475	69.500
-	Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại đô thị	40.000	1,44	2,625	105.000
II	Công trình Kho dự trữ Kon Tum 2, xã Vinh Quang				
	Đất ven Tỉnh lộ 675, thôn Trung Thành, xã Vinh Quang				
-	Đất trồng cây hàng năm khác	24.000	1,26	2,2	52.800
-	Đất trồng cây lâu năm	18.000	1,26	2,72	48.960
III	Công trình Trụ sở làm việc Chi cục Thuế thành phố Kon Tum				
	Đất tại thôn Kon Hra Chót, phường Thống Nhất				
-	Đất trồng cây hàng năm khác	25.000	1,36	5,9	147.500
IV	Công trình Kè chống sạt lở sông Đăk Bla đoạn qua làng Plei Đôn và làng Kon Rờ Bàng				
1	Đất ở đô thị tại phường Quang Trung và phường Quyết Thắng				
a	Đường Hai Bà Trưng				
-	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Phan Chu Trinh	1.000.000	1,30	2,70	2.700.000
-	Từ đường Phan Chu Trinh đến đường Hà Huy Tập	1.500.000	1,40	1,95	2.925.000
-	Từ đường Hà Huy Tập đến hết ranh giới P. Quang Trung	1.200.000	1,30	2,29	2.748.000

b	Các đường quy hoạch và các đường, đoạn đường, các ngõ hẻm, hẻm nhánh (là đường đất chưa quy định giá trong bảng giá)				
-	Phường Quang Trung	350.000	1,10	2,34	819.000
-	Phường Quyết Thắng	400.000	1,10	2,21	884.000
2	Đất nông nghiệp phường Quang Trung và phường Quyết Thắng				
-	Đất trồng lúa nước 01 vụ	28.000	1,20	5,12	143.360
-	Đất trồng cây hàng năm khác	25.000	1,36	5,66	141.500
-	Đất trồng cây lâu năm	20.000	1,36	6,82	136.400